

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 250/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27/12/2022

V/v: “Ly hôn; tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoàn; ông Nguyễn Việt Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hải Minh -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 259/2022/TLST-HNGĐ ngày 10/10/2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 336/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 225/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn Bì Đ, xã Cổ B, huyện Bình G, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1996.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn Bì Đ, xã Cổ B, huyện Bình G, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Nhật Bản.

3. *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1974, Nơi cư trú: Thôn An S, xã Hồng Q, huyện Thanh M, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự và người làm chứng đều vắng mặt. (Anh H có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và bản tự khai cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H1 được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 23 tháng 4 năm 2014 tại UBND xã Cổ

B, huyện Bình Gi, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vì vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, chị H1 tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, không quan tâm đến chồng con. Cuối năm 2020, chị H1 đi lao động bên Nhật Bản. Từ khi đi nước ngoài, chị H1 không về thăm chồng con, chị H1 cũng không liên lạc về hỏi thăm sức khỏe gia đình và chủ động cắt đứt liên lạc với anh H. Vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay. Anh H xác định mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho anh H ly hôn với chị Nguyễn Thị H1 để cả hai sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh H và chị H1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Diệu A sinh ngày 12/9/2014. Hiện nay, cháu Diệu A đang sinh sống cùng với anh H và ông bà nội tại thôn Bì Đ, xã Cổ B, huyện Bình Gi, tỉnh Hải Dương. Khi ly hôn, anh H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Diệu A và không yêu cầu chị H1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình: Anh H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của ông Nguyễn Văn S là bố đẻ của chị Nguyễn Thị H1. Tại các biên bản lấy lời khai, ông S trình bày: Chị H1 và anh H được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn năm 2014 tại UBND xã Cổ B, huyện Bình Gi, tỉnh Hải Dương. Năm 2020, chị H1 đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản đến nay chưa về. Chị H1 đã được ông thông báo các nội dung văn bản tố tụng của Tòa án. Chị H1 xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị H1 nhất trí đồng ý ly hôn anh H. Về con chung, chị H1 đồng ý để anh H tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Diệu A sinh ngày 12/9/2014 do chị chưa thể về nước. Ngoài ra, chị H1 không có yêu cầu gì khác.

Theo thông tin do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cung cấp tại Công văn số 23057/QLXNC-P5 ngày 01/11/2022 thể hiện: Chị Nguyễn Thị H1, sinh ngày 09/12/1996, có thông tin xuất cảnh ngày 18/01/2021 bằng hộ chiếu số C8491504 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa, anh H, chị H1, ông Song đều vắng mặt (anh H có đơn xin xét xử vắng mặt).

Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn cơ bản đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của anh H và chị

H1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận xử cho anh Nguyễn Văn H ly hôn chị Nguyễn Thị H1; về con chung, đề nghị HĐXX giao cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Diệu A sinh ngày 12/9/2014. Chị H1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về án phí: Anh H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị Nguyễn Thị H1, là người Việt Nam có hộ khẩu thường trú tại Hải Dương, hiện đang sinh sống tại Nhật Bản. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 39, Điều 464 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa, anh H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị H1 vắng mặt lần thứ hai, căn cứ Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định. Tòa án xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị H1 được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 23 tháng 4 năm 2014 tại UBND xã Cổ Bì, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm trong cuộc sống cũng như công việc, kinh tế gia đình khó khăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đến năm 2020, chị H1 đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Từ khi đi nước ngoài, chị H1 không hề quan tâm, hỏi han gì đến chồng con và cũng chủ động cắt đứt liên lạc với anh H và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. HĐXX xét thấy, hôn nhân của anh H và chị H1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mỗi người ở một nước khác nhau, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho anh H ly hôn với chị H1 là phù hợp quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ nuôi con chung: Vợ chồng anh H và chị H1 có 01 con chung là Nguyễn Diệu A, sinh ngày 12/9/2014. Hiện nay, cháu Diệu A đang ở

cùng anh H tại thôn Bì Đ, xã Cổ B, huyện Bình Gi, tỉnh Hải Dương. Khi ly hôn, anh H đề nghị Tòa án cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị H1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét thấy, anh H có việc làm và thu nhập ổn định. Trong khi chị H1 đang ở nước ngoài, không thể trực tiếp chăm sóc con chung. Do đó, HĐXX giao cháu Diệu A cho anh H nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế nhiều năm nay. Căn cứ các Điều 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX giao cháu Nguyễn Diệu A cho anh H nuôi dưỡng. Do anh H tự nguyện tạm thời chưa yêu cầu cấp dưỡng nên Tòa án không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Anh H và chị H1 không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 464 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H. Xử cho anh Nguyễn Văn H ly hôn chị Nguyễn Thị H1.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Diệu A sinh ngày 12/9/2014 từ tháng 12/2022 đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành. Anh H tự nguyện không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H có quyền khởi kiện yêu cầu chị H1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm dân sự (Hôn nhân và gia đình), đối trừ với 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo biên lai thu số [AA/2021/0001632](#) ngày 07/10/2022. Anh H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày; chị H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ

ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Cổ B, huyện Bình Giã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Lưu Tòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Thanh Tuấn